

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

9 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thành Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Phùng Ngọc Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025
Ông Vũ Bá Hoà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025

Ban kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban
Bà Mẫn Minh Huệ	Phó trưởng ban
Ông Đỗ Quang Trung	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Đỗ Thị Mai Anh, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Số: 339/2025/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.860.566.253	72.177.986.345
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	68.162.464.015	10.748.162.221
1. Tiền	111		2.462.464.015	10.748.162.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.700.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.528.971.595	22.707.419.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	98.708.245.492	23.220.901.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	12.420.000	43.260.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	419.838.417	994.863.789
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.611.532.314)	(1.551.605.140)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	144.047.082.836	38.158.371.000
1. Hàng tồn kho	141		146.512.866.855	40.624.155.019
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.465.784.019)	(2.465.784.019)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.122.047.807	564.033.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	378.252.390	564.033.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.564.881	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	707.230.536	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.636.883.078	29.133.394.291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.895.913.266	14.895.913.266
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	14.895.913.266	14.895.913.266
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.121.333.881	1.478.229.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	1.121.333.881	1.478.229.273
Nguyên giá	222		7.643.999.801	7.643.999.801
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.522.665.920)	(6.165.770.528)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		43.178.451	28.363.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	43.178.451	28.363.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.329.000.000	3.329.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.9	3.329.000.000	3.329.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.247.457.480	9.401.888.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	9.247.457.480	9.401.888.116
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		339.497.449.331	101.311.380.636

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		262.582.321.580	21.609.262.402
I. Nợ ngắn hạn	310		262.582.321.580	21.609.262.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	252.421.937.898	13.355.313.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	1.054.932.267	291.236.006
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	803.666.140	2.497.571.081
4. Phải trả người lao động	314	4.14	-	683.889.833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	571.954.822	261.081.913
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	3.547.254.117	710.040.450
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.182.576.336	3.810.129.792
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.915.127.751	79.702.118.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	76.915.127.751	79.702.118.234
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.410.000	59.410.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.747.208.234	29.579.598.118
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.058.509.517	6.013.110.116
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.058.509.517	6.013.110.116
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		339.497.449.331	101.311.380.636



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	185.812.913.337	230.936.433.897
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	331.011.086	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		185.481.902.251	230.936.433.897
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	159.153.953.766	201.931.167.193
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.327.948.485	29.005.266.704
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	283.672.702	208.241.798
7. Chi phí tài chính	22	5.5	47.776.841	647.800.113
Trong đó, chi phí lãi vay	23		31.384.813	398.479.318
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	15.552.244.852	17.249.934.323
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	7.035.718.401	7.473.493.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.975.881.093	3.842.280.255
11. Thu nhập khác	31	5.8	227.258.214	884.104.957
12. Chi phí khác	32	5.9	219.185.050	545.163.042
13. Lợi nhuận khác	40		8.073.164	338.941.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.983.954.257	4.181.222.170
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	817.016.538	906.294.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.166.937.719	3.274.927.192
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	467	483
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	467	483



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kê toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.952.569.079	107.397.532.608
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(31.570.849.128)	(144.783.372.758)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.429.233.278)	(8.017.048.536)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(31.384.813)	(304.878.594)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.100.517.017)	(1.255.626.580)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.201.160.787	2.187.193.913
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.922.563.641)	(7.076.609.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.099.181.989	(51.852.809.783)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.814.815)	(39.125.454)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.434.620	210.132.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		160.619.805	171.006.755
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	6.152.929.554	50.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(6.152.929.554)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.845.500.000)	(4.845.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.845.500.000)	45.154.500.000
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		57.414.301.794	(6.527.303.028)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.748.162.221	8.474.234.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		68.162.464.015	1.946.931.368



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

(Signature)

Nguyễn Mai Hoa
Kê toán trưởng

(Signature)

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309902130 ngày 02 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 44.050.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 74 (31/12/2024: 73).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: biên tập, biên soạn sách; dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học tỉnh BR - VT	500D Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Số 88, Trần Bình Trọng, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	21%	21%	21%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam – Cửa hàng bán lẻ và giới thiệu sản phẩm	93 Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2025

▪ Máy móc thiết bị	2 - 6	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê đất, chi phí thuê GTGT không được khấu trừ của hàng tự sản xuất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

11/11/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán và lãi trả chậm.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không chịu thuế;
- Thiết bị văn phòng, từ điển: 5% - 10%;
- Các hàng hóa, dịch vụ khác: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế 10% kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và lãnh thổ chính là Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	202.038.509	1.096.457.639
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.260.425.506	9.651.704.582
Các khoản tương đương tiền	65.700.000.000	-
Cộng	68.162.464.015	10.748.162.221

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai	10.498.252.448	3.487.873.612
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	16.425.713.665	1.980.973.689
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Ninh Thuận	5.159.800.197	2.486.563.654
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Lâm Đồng	12.598.418.181	689.748.225
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	5.702.181.146	5.304.498.532
Công ty TNHH MTV An Lộc Tây Ninh	6.472.482.764	2.386.275.785
Các khách hàng khác	41.851.397.091	6.884.967.631
Cộng	98.708.245.492	23.220.901.128
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	34.705.996.064	10.002.184.138

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chu du Hai Bốn	3.060.000	7.400.000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	-	26.500.000
Các đối tượng khác	9.360.000	9.360.000
Cộng	12.420.000	43.260.000

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	71.677.981	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	150.313.471	-	935.240.933	-
Ký quỹ, ký cược	87.757.683	-	58.741.812	-
Lãi dự thu	108.238.082	-	-	-
Các đối tượng khác	1.851.200	-	881.044	-
Cộng	419.838.417	-	994.863.789	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	81.000.000	-	81.000.000	-
Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
Cộng	14.895.913.266	-	14.895.913.266	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan - Xem thêm mục 7	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam để xây dựng cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó vốn đầu tư của Công ty chiếm 30% dự án. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, các bên thống nhất giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam quản lý và khai thác kinh doanh, tập hợp và phân chia doanh thu, chi phí cho các bên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.758.481.387	146.949.073	1.558.724.140	7.119.000
Cộng	1.758.481.387	146.949.073	1.558.724.140	7.119.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đồng Tháp	162.702.434	-	Trên 3 năm	162.702.434	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sản xuất Thiết bị Giáo dục Minh Phát	1.110.163.501	-	Trên 3 năm	1.110.163.501	-	Trên 3 năm
Cửa Hàng Sách Nhật Minh	43.148.706	-	Trên 3 năm	43.148.706	-	Trên 3 năm
Công ty Sách - Thiết bị Giáo dục Hoàng Minh Phúc	166.000.959	-	Trên 3 năm	166.000.959	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sách Thiết bị Tổng hợp Minh Anh	66.538.540	-	Trên 3 năm	66.538.540	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	209.927.247	146.949.073	Từ 6 tháng đến 1 năm	10.170.000	7.119.000	Từ 6 tháng đến 1 năm
Cộng	1.758.481.387	146.949.073		1.558.724.140	7.119.000	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	146.311.051	-
Nguyên liệu, vật liệu	696.539.776	-	848.683.564	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.744.438	-	88.246.422	-
Thành phẩm	3.552.449.858	-	2.293.288.697	-
Hàng hóa	142.179.132.783	2.465.784.019	37.247.625.285	2.465.784.019
Cộng	146.512.866.855	2.465.784.019	40.624.155.019	2.465.784.019

Không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bản thảo	75.890.452	182.128.761
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	99.940.283	129.034.151
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	200.421.655	252.870.435
Chi phí trả trước khác	2.000.000	-
Cộng	378.252.390	564.033.347
Dài hạn:		
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	8.228.078.929	8.363.150.929
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.019.378.551	1.038.737.187
Cộng	9.247.457.480	9.401.888.116

(*) Là khoản thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Xã Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD).

Theo Quyết định số 223/QĐ-HĐQT ngày 19/06/2025, Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình:

- **Tên dự án:** Nhà kho chứa hàng hoá, vật tư của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- **Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng kho chứa hàng hoá, vật tư và các sản phẩm giáo dục của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam;
- **Thời gian thực hiện:** Tháng 5/2025 đến tháng 12/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	609.700.818	6.423.850.771	610.448.212	7.643.999.801
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	609.700.818	6.423.850.771	610.448.212	7.643.999.801
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	609.700.818	5.004.938.344	551.131.366	6.165.770.528
Khấu hao trong kỳ	-	340.930.721	15.964.671	356.895.392
Tại ngày 30/06/2025	609.700.818	5.345.869.065	567.096.037	6.522.665.920
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	-	1.418.912.427	59.316.846	1.478.229.273
Tại ngày 30/06/2025	-	1.077.981.706	43.352.175	1.121.333.881

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố và đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.477.442.058 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
		VND			VND	
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị	1.229.000.000	-		1.229.000.000	-	
Trường học Tỉnh BR - VT						
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị	2.100.000.000	-		2.100.000.000	-	
Giáo dục Bình Dương						
Cộng	3.329.000.000	-		3.329.000.000	-	
			Kỳ này			Kỳ trước

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Hoạt động kinh doanh thua lỗ	Hoạt động kinh doanh thua lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Mục 7.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương bị lỗ, Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT có lãi, tuy nhiên cả hai Công ty đều không có lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2025 được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự án nhà kho chứa hàng hóa, vật tư	43.178.451	28.363.636
Cộng	43.178.451	28.363.636

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	224.784.265.999	224.784.265.999	5.292.929.554	5.292.929.554
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.573.488.730	11.573.488.730	2.769.899.952	2.769.899.952
Phải trả các đối tượng khác	16.064.183.169	16.064.183.169	5.292.483.821	5.292.483.821
Cộng	252.421.937.898	252.421.937.898	13.355.313.327	13.355.313.327
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	246.612.030.820	246.612.030.820	10.677.213.766	10.677.213.766

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trường Tiểu học Phước Thạnh	-	25.700.000
Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	28.000.000	25.000.000
Trường TH-THCS-THPT Hồng Bàng	301.271.500	-
Nhà sách Gò Dầu	104.863.338	24.717.880
Các khách hàng khác	620.797.429	215.818.126
Cộng	1.054.932.267	291.236.006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	13.132.187	-	802.649.604	1.200.972.481	385.190.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	803.666.140	817.016.538	1.100.517.017	1.087.166.619
Thuế thu nhập cá nhân	694.098.349	-	459.715.178	2.179.027.299	1.025.213.772
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí	-	-	594.000	594.000	-
Cộng	707.230.536	803.666.140	2.083.975.320	4.485.110.797	2.497.571.081

4.14. Phải trả người lao động

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền lương phải trả CBNV	-	683.889.833
Cộng	-	683.889.833

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí bản thảo, nhuận bút phải trả	425.375.639	255.104.000
Chiết khấu thanh toán phải trả	16.392.028	-
Chi phí phải trả khác	130.187.155	5.977.913
Cộng	571.954.822	261.081.913

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	30.075.280	-
Phí thị trường và phát triển sản phẩm	3.403.509.731	559.541.532
Nhận ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.669.106	130.498.918
Cộng	3.547.254.117	710.040.450
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	-	74.218.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	44.050.000.000	59.410.000	28.202.342.815	6.222.755.303	78.534.508.118
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	3.274.927.192	3.274.927.192
Chia cổ tức	-	-	-	(4.845.500.000)	(4.845.500.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.377.255.303	(1.377.255.303)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(818.731.798)	(818.731.798)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(327.492.720)	(327.492.720)
Tại ngày 30/06/2024	44.050.000.000	59.410.000	29.579.598.118	2.128.702.674	75.817.710.792
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	5.976.011.448	5.976.011.448
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.956.549.794)	(1.956.549.794)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(135.054.212)	(135.054.212)
Tại ngày 01/01/2025	44.050.000.000	59.410.000	29.579.598.118	6.013.110.116	79.702.118.234
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	3.166.937.719	3.166.937.719
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(4.845.500.000)	(4.845.500.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024 (*)	-	-	1.167.610.116	(1.167.610.116)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(791.734.430)	(791.734.430)
Trích thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành (**)	-	-	-	(316.693.772)	(316.693.772)
Tại ngày 30/06/2025	44.050.000.000	59.410.000	30.747.208.234	2.058.509.517	76.915.127.751

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 147/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07b/NQ-HĐQT ngày 26/05/2025.

4.17.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Các cổ đông khác	20.650.000.000	20.650.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	44.050.000.000	44.050.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	44.050.000.000	44.050.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VSCH)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.166.937.719	3.274.927.192
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành	1.108.428.202	1.146.224.518
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.058.509.517	2.128.702.674
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.405.000	4.405.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	467	483

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07b/NQ-HĐQT ngày 26/05/2025 (Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Điều lệ hoạt động).

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.166.937.719	3.274.927.192
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành	1.108.428.202	1.146.224.518
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.058.509.517	2.128.702.674
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.405.000	4.405.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	467	483

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07b/NQ-HĐQT ngày 26/05/2025 (Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Điều lệ hoạt động).

4.17.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01b/NQ-HĐQT ngày 21/02/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền với số tiền 4.845.500.000 VND (tương đương 11% vốn điều lệ), ngày đăng ký cuối cùng là 17/03/2025. Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức trên vào ngày 05/05/2025.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 147/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ và số tiền như đã tạm ứng nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	29.579.598.118
Trích trong kỳ	1.167.610.116
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2025	30.747.208.234

4.18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty Cổ phần Trí Đức - Xóa sổ do không thu được nợ	744.354.571	744.354.571
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Giáo dục Vạn Lợi - Xóa sổ do không thu được nợ	393.407.855	393.407.855
Cộng	1.137.762.426	1.137.762.426

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bài tập	170.677.684.454	222.767.956.201
Doanh thu bán sách tham khảo	8.723.511.511	4.384.323.231
Doanh thu khác	6.411.717.372	3.784.154.465
Cộng	185.812.913.337	230.936.433.897
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	68.327.204.150	96.580.263.938

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	331.011.086	-
Cộng	331.011.086	-

5.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bài tập	147.783.120.182	195.768.814.386
Giá vốn bán sách tham khảo	6.019.127.195	2.852.719.947
Giá vốn hoạt động khác	5.351.706.389	3.309.632.860
Cộng	159.153.953.766	201.931.167.193

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	111.612.702	36.181.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.060.000	172.060.000
Cộng	283.672.702	208.241.798

5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	31.384.813	398.479.318
Chiết khấu thanh toán	16.392.028	249.320.795
Cộng	47.776.841	647.800.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	4.626.352.927	6.160.726.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.844.888	102.951.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.316.726.619	8.234.055.695
Chi phí bằng tiền khác	1.543.320.418	2.752.200.595
Cộng	15.552.244.852	17.249.934.323

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	2.073.307.857	3.236.228.819
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	217.324.964	255.888.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.050.504	289.219.760
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	59.927.174	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.363.095.202	2.389.642.260
Chi phí bằng tiền khác	1.031.012.700	1.302.514.775
Cộng	7.035.718.401	7.473.493.811

5.8. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	2.285.500	579.284.891
Thu nhập từ dán giá sách giáo khoa	224.929.693	-
Các khoản thu nhập khác	43.021	304.820.066
Cộng	227.258.214	884.104.957
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7	222.986.550	397.479.733

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	-	254.228.906
Chi phí dán giá sách giáo khoa	213.035.000	-
Tiền phạt chậm nộp về thuế	6.118.725	10.945.339
Các khoản khác	31.325	279.988.797
Cộng	219.185.050	545.163.042

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.638.186.012	1.239.019.693
Chi phí nhân công	8.009.690.823	9.396.955.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.895.392	392.171.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.827.826.329	12.038.655.151
Chi phí khác bằng tiền	3.751.584.044	4.054.715.370
Cộng	25.584.182.600	27.121.516.826

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.983.954.257	4.181.222.170
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	273.188.431	362.782.540
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	273.188.431	362.782.540
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	172.060.000	172.060.000
- Cổ tức nhận được	172.060.000	172.060.000
Tổng thu nhập chịu thuế	4.085.082.688	4.371.944.710
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	817.016.538	906.294.978
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	817.016.538	874.388.942
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	31.906.036

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.152.929.554	50.000.000.000
Cộng	6.152.929.554	50.000.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.152.929.554	-
Cộng	6.152.929.554	-

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
2. Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
3. Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
4. Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
5. Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
6. Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
7. Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Công ty liên kết
8. Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	Công ty liên kết
9. Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
10. Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
11. Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
12. Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
13. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	Chung công ty đầu tư
14. Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
15. Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
16. Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
17. Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
18. Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
19. Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
20. Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
21. Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

22. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
23. Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
24. Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
25. Công ty CP Đầu tư IP Việt Nam	Chung công ty đầu tư
26. Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
27. Công ty CP In - Phát hành Sách và Thiết bị trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
28. Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
29. Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
30. Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
31. Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
32. Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	Chung công ty đầu tư
33. Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
34. Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
35. Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
36. Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
37. Công ty CP Tập đoàn ECI	Chung công ty đầu tư
38. Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	Chung công ty đầu tư
39. Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tây	Chung công ty đầu tư
40. Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Chung công ty đầu tư
41. Công ty CP Sách - Thiết bị trường học KonTum	Chung công ty đầu tư
42. Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Chung công ty đầu tư
43. Công ty CP Sách - TB Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
44. Công ty CP Sách & TBTH Ninh Thuận	Chung công ty đầu tư
45. Công ty CP In SGK Hòa Phát	Chung công ty đầu tư
46. Công ty CP giáo dục An Đông	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
47. Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
48. Công ty CP Sách dịch và từ điển giáo dục	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
49. Công ty CP Sách - TBTH Lạng Sơn	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
50. Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
51. Công ty CP Đầu tư Giáo dục trải nghiệm Việt Nam	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
52. Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI	Chung công ty đầu tư (gián tiếp)
53. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	16.425.713.665	1.980.973.689
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	6.926.578.326	126.021.050
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	5.702.181.146	5.304.498.532
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	169.434.253	84.261.973
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	19.590.840
Công ty CP Học liệu	-	274.400
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	139.851.960	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	23.382.700	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cần Thơ	111.076.800	-
Công ty CP Sách - TB Vĩnh Long	47.977.017	-
Công ty CP Sách & TBTH Ninh Thuận	5.159.800.197	2.486.563.654
Cộng - Xem thêm mục 4.2	34.705.996.064	10.002.184.138
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	14.814.913.266	14.814.913.266
Cộng - Xem thêm mục 4.4	14.814.913.266	14.814.913.266
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả khác		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	41.743.330
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	32.475.000
Cộng - Xem thêm mục 4.16	-	74.218.330

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	43.249.091
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	224.784.265.999	5.292.929.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	3.323.190.358	530.095.569
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.639.238.631	869.657.690
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	1.444.305.498	292.675.386
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.573.488.730	2.769.899.952
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	909.604.080	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	295.725.040	133.801.040
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	592.149.184	305.966.084
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	671.533.700	438.714.600
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển trường Phổ Thông		
Công Nghệ Giáo dục	429.084.000	224.800
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	8.496.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.112.000	-
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	80.669.600	-
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tây	858.168.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.11	246.612.030.820	10.677.213.766

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	4.564.266.859	38.040.408.480
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	139.851.960	12.862.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	48.278.900	65.122.240
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	409.291.770	62.489.630
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	5.477.221	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	22.792.885	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	556.833.071	134.499.570
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	380.166.500	80.031.250
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT	29.579.803.630	28.148.017.013
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	19.775.348.204	22.009.574.104
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cần Thơ	110.088.228	36.482.300
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	6.938.469.326	32.047.430
Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	-	153.031
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	17.650.080
Công ty CP Sách - TB Vĩnh Long	47.422.762	41.692.800
Công ty CP Sách & TBTH Ninh Thuận	5.749.112.834	7.899.233.510
Cộng - Xem thêm mục 5.1	68.327.204.150	96.580.263.938

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	231.521.059.475	241.594.442.195
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	6.588.735.653	7.392.520.744
Công ty CP Tập đoàn ECI	-	163.680.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	928.962.317	564.488.010
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	10.217.219.718	2.014.515.070
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	807.840.000	1.136.518.278
Công ty CP Học Liệu	-	345.239.316
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	-	18.658.095
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	2.247.984.230	842.010.720
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	2.004.398.189	1.393.449.390
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	831.992.080	368.719.200
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	586.183.100	407.065.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	27.001.700	113.174.160
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	-	15.300.000
Công ty CP Sách – Thiết bị Trường học Tỉnh BR – VT	12.329.970	2.225.807.659
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển trường Phổ Thông		
Công Nghệ Giáo dục	428.859.200	491.040.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	29.189.700	3.850.531.748
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	8.091.429	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.011.428	164.000.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	80.669.600	-
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Hà Tây	858.168.000	-
Công ty CP Sách & TBTH Ninh Thuận	8.665.200	1.049.599.774
Cộng	257.189.360.989	264.150.760.259
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập khác		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	218.968.800	304.398.195
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	-	93.081.538
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.017.750	-
Cộng - Xem thêm mục 5.8	222.986.550	397.479.733
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.574.000.000	2.574.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	110.000.000	110.000.000
Công ty CP Học liệu	115.500.000	115.500.000
Cộng	2.799.500.000	2.799.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Tỉnh BR - VT	172.060.000	172.060.000
Cộng	172.060.000	172.060.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục		
Cho vay	-	3.000.000.000
Thu tiền cho vay	-	3.000.000.000
Lãi cho vay	-	23.667.777

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thành Anh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	36.666.676	33.333.334
	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)		
Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	20.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	16.666.676	-
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	33.333.334	33.333.334
Ông Trần Lê Quang	Thành viên HĐQT	33.333.334	33.333.334
Ông Vũ Bá Hoà	Thành viên HĐQT	26.666.666	26.666.666
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban kiểm soát	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	5.000.000	-
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	5.000.000	10.000.000
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên BKS	10.000.000	10.000.000

Lương của Ban Tổng Giám đốc và nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc	225.619.603	221.025.721
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	181.726.015	215.286.325
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	185.037.487	204.983.500
Bà Nguyễn Mai Hoa	Kế toán trưởng	188.936.411	199.083.662

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Xã Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Thông tin cụ thể như sau:

- **Diện tích thuê:** 5.000 m²;
- **Thời gian thuê:** Từ thời điểm ký hợp đồng ngày 16/10/2019 đến ngày 16/12/2054;
- **Mục đích thuê:** Xây dựng nhà kho;
- **Tiền thuê lại đất:** Thời điểm tính tiền thuê lại đất từ thời điểm nhận chuyển giao đất. Đơn giá thuê: Theo đơn giá được thông báo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- **Tiền duy tu hàng năm:** Thời điểm tính tiền duy tu: Công ty được miễn tiền duy tu 12 tháng kể từ thời điểm nhận bàn giao lô đất và đường giao thông N2 đã hoàn thiện. Phương thức trả tiền: hàng năm. Đơn giá duy tu: 12.500 đồng/m²/năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại 3 năm 1 lần với không chế mức tăng không quá 15% mức cũ;

Công ty thực hiện thuê kho và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động có thời hạn từ 1 đến 3 năm và trả tiền hằng năm.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.866.670.880	1.841.516.767
Cộng	1.866.670.880	1.841.516.767

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đỗ Thị Mai Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Mai Hoa
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên
Người lập